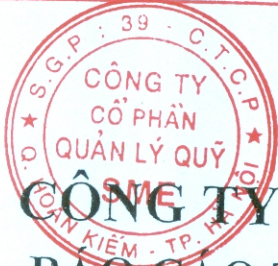


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC  
**ĐẾN** Số: 12163  
Ngày 12/5/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ S  
**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày 02 tháng 05 năm 2011.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SME**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 19

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ SME đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SME

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ SME (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy phép số 39/UBCK - GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 10 năm 2008, quyết định sửa đổi và bổ sung số 46/UBCK – GPDC ngày 10 tháng 7 năm 2009.

Vốn điều lệ của Công ty là: 25.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 4, Tòa nhà 39A Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.

### HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngày 08/10/2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành Quyết định số 39/UBCK - GP cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ SME, các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 19 kèm theo.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Hội đồng quản trị

Ông Phan Huy Chí	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Tuấn	Ủy viên
Bà Cao Thị Vân Anh	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Văn Quang	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Lan	Phó Tổng giám đốc

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia Việt Nam, Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Bùi Văn Quang**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>18.196.646.783</b>	<b>50.330.256.668</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	IV.01	<b>5.085.285.672</b>	<b>4.227.756.668</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		4.961.194.886	3.179.840.428
2. Tiền gửi Ngân hàng	112		124.090.786	1.047.916.240
<b>II. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>13.111.361.111</b>	<b>46.102.500.000</b>
1. Phải thu của khách hàng	131			46.102.500.000
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		111.361.111	-
3. Phải thu khác	134	IV.02	13.000.000.000	-
<b>IV. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		-	-
1. Tài sản lưu động khác	152		-	-
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.260.196.647.574</b>	<b>21.767.416.537</b>
(200 = 220+230+250+260)				
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>788.255.348</b>	<b>957.107.516</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.03	788.255.348	957.107.516
- Nguyên giá	222		1.136.076.671	1.136.076.671
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(347.821.323)	(178.969.155)
<b>II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác</b>	<b>230</b>		<b>1.259.245.223.103</b>	<b>20.453.000.000</b>
1. Đầu tư chứng khoán	231	IV.04	1.259.245.223.103	20.453.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	233		-	-
<b>III. Chi phí xây dựng dở dang</b>	<b>250</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>163.169.123</b>	<b>357.309.021</b>
1. Chi phí trả trước	261		153.169.123	357.309.021
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262		10.000.000	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.278.393.294.357</b>	<b>72.097.673.205</b>

Các Thuyết minh từ mục I đến mục VII là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+340)	<b>300</b>		<b>1.259.682.048.249</b>	<b>51.917.116.982</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>129.500.211</b>	<b>19.453.999</b>
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.05	28.160.734	19.453.999
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả	315		-	-
6. Phải trả nội bộ	316		-	-
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	317		101.339.477	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>	IV.06	<b>1.259.552.548.038</b>	<b>51.897.662.983</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		-	-
2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342		-	-
3. Vay và nợ dài hạn	344		240.000.000	364.800.000
4. Phải trả nhà ủy thác đầu tư	345		1.259.312.548.038	51.532.862.983
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+420)	<b>400</b>	IV.07	<b>18.711.246.108</b>	<b>20.180.556.223</b>
<b>I. Nguồn vốn</b>	<b>410</b>		<b>18.711.246.108</b>	<b>20.180.556.223</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(6.288.753.892)	(4.819.443.777)
<b>II. Quỹ</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>1.278.393.294.357</b>	<b>72.097.673.205</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng



Trương Công Thái

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Quang

Các Thuyết minh từ mục I đến mục VII là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

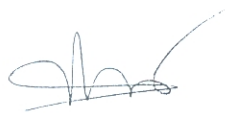
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	V.01	534.377.545	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>534.377.545</b>	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
5. <b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12</b>		<b>534.377.545</b>	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13		3.849.327	27.964.923
7. Chi phí tài chính	14		45.827.798	2.550.409.873
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15		1.961.709.189	2.297.251.787
9. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16</b>		<b>(1.469.310.115)</b>	<b>(4.819.696.737)</b>
10. Thu nhập khác	17		-	252.960
11. Chi phí khác	18		-	-
12. <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>19</b>		<b>-</b>	<b>252.960</b>
13. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>20</b>		<b>(1.469.310.115)</b>	<b>(4.819.443.777)</b>
14. Thuế TNDN phải nộp	21		-	-
15. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>22</b>		<b>(1.469.310.115)</b>	<b>(4.819.443.777)</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng



Trương Công Thái

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Quang

Các Thuyết minh từ mục I đến mục VII là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T/M	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD</b>				
1. Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01		534.377.545	-
2. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05		129.529.798.910	76.337.500.000
3. Tiền trả cho người cung cấp	06		(14.243.233.007)	(72.452.585.989)
4. Trả tiền lãi vay	07		(45.827.798)	(2.550.409.873)
5. Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08		-	(88.421.389)
6. Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09		(322.713.341)	(738.570.601)
7. Tiền mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10		-	(83.443.732)
8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(114.473.922.632)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>978.479.677</b>	<b>424.068.416</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	31		-	(1.136.076.671)
2. Tiền đầu tư chứng khoán	33		-	(20.453.000.000)
3. Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37		3.849.327	27.964.923
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>40</b>		<b>3.849.327</b>	<b>(21.561.111.748)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	41		-	25.000.000.000
2. Tiền đi vay	43		-	500.000.000
3. Tiền trả nợ vay	44		(124.800.000)	(135.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>(124.800.000)</b>	<b>25.364.800.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>60</b>		<b>857.529.004</b>	<b>4.227.756.668</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>70</b>		<b>4.227.756.668</b>	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>90</b>		<b>5.085.285.672</b>	<b>4.227.756.668</b>

Kế toán trưởng



Trương Công Thái

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Quang

Các Thuyết minh từ mục I đến mục VII là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 09 - CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ SME (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy phép số 39/UBCK - GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 10 năm 2008, quyết định sửa đổi và bổ sung số 46/UBCK – GPĐC ngày 10 tháng 7 năm 2009.

Vốn điều lệ của Công ty là: 25.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 4, Tòa nhà 39A Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.

**2. Lĩnh vực hoạt động**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

**3. Tổng số nhân viên**

Tổng số nhân viên: 12 người

Danh sách nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề:

<u>STT</u>	<u>Họ tên</u>	<u>Số chứng chỉ</u>	<u>Ngày cấp</u>
1.	Vũ Hoàng Anh	00143/QLQ	01/04/2009
2.	Nguyễn Thị Bích Lan	00264/QLQ	16/06/2009
3.	Nguyễn Minh Cảnh	00255/QLQ	16/06/2009
4.	Lưu Việt Hà	00485/QLQ	22/12/2009
5.	Cao Thị Vân Anh	00139/QLQ	01/04/2009

**II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI ĐƠN VỊ**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính và có điều chỉnh theo một số hướng dẫn phù hợp khác của Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính.

**2. Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 09 - CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI ĐƠN VỊ (tiếp theo)**

**3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán – Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh dòng tiền của doanh nghiệp bao gồm các khoản tiền thu và chi của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**4. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

**5. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

**3. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

917  
NG Y  
HIỆM  
T M  
M ?

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 09 - CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4. Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản chứng khoán đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty không trích lập dự phòng cho khoản chứng khoán do nhà đầu tư ủy thác quản lý.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**5. Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: tiền mặt, tiền gửi, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư cuối năm được ghi nhận số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

**6. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả hoạt động quản lý danh mục đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

**7. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

17  
TY  
HUU  
TUC  
AM  
TP.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 09 - CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**7. Thuế (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**8. Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí quản lý chưa kết chuyển và chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ dần theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SME  
Tầng 4, Tòa nhà 39A phố Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Mẫu 09 - CTQ

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**IV.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	01/01/2010 VND	Số tăng trong kỳ VND	Số giảm trong kỳ VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	3.179.840.428	63.195.471.002	61.414.116.544	4.961.194.886
Tiền gửi ngân hàng	1.047.916.240	298.469.881.878	299.393.707.332	124.090.786
BIDV - Chi nhánh Hà Thành	1.044.999.454	297.462.865.201	298.440.874.050	66.990.605
VPB - Chi nhánh Ngô Quyền	1.302.976	836.194.466	782.205.484	55.291.958
VPB - Chi nhánh Minh Khai	514.123	170.822.211	170.627.798	708.536
Ngân hàng Đại Á	1.099.687	-	-	1.099.687
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.227.756.668</b>	<b>361.665.352.880</b>	<b>360.807.823.876</b>	<b>5.085.285.672</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 09 - CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**IV.02 Phải thu khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trả trước cho người bán	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính An Khánh (*)	13.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Hợp đồng mua bán chuyển nhượng cổ phần ngày 10 tháng 12 năm 2010:

- Giá chuyển nhượng: 15.000VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng: 1.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị chuyển nhượng: 15.000.000.000VND

**IV.03 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b><u>Nguyên giá TSCĐ</u></b>			
Số dư 01/01/2010	921.336.000	214.740.671	1.136.076.671
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư 31/12/2010	<b>921.336.000</b>	<b>214.740.671</b>	<b>1.136.076.671</b>
<b><u>Giá trị hao mòn lũy kế</u></b>			
Tại ngày 01/01/2010	124.764.250	54.204.905	178.969.155
Trích trong kỳ	115.167.000	53.685.168	168.852.168
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	<b>239.931.250</b>	<b>107.890.073</b>	<b>347.821.323</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>			
Tại ngày 01/01/2010	<b>796.571.750</b>	<b>160.535.766</b>	<b>957.107.516</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>681.404.750</b>	<b>106.850.598</b>	<b>788.255.348</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SME  
Tầng 4, Tòa nhà 39A phố Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu 09 - CTQ

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

IV.04 Đầu tư chứng khoán

	Giá trị tồn tại 01/01/2010		Mua		Bán		Giá trị tồn tại 31/12/2010
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND	
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán							
- Cổ phiếu							
STB	2.812.432	20.453.000.000	200	28.124.720.000	18.500	19.332.496.897	29.245.223.103
ICG	12.232	1.236.000.000	-	2.400.000	-	-	34.400.000
PVFI	-	19.185.000.000	12.232	122.320.000	3.500	147.496.897	1.210.823.103
Công ty cổ phần nhựa Bảo Vân	-	-	-	-	15.000	19.185.000.000	-
- Trái phiếu							
Trái phiếu Sân golf Ngôi sao	1.200	-	2.800.000	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Chi Linh	1.200	-	1.200	1.200.000.000.000	-	-	1.200.000.000.000
- Giấy tờ có giá							
Hợp đồng tiền gửi có kì hạn	1	-	1	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
	1	-	1	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
<b>Tổng giá trị đầu tư</b>	<b>2.813.633</b>	<b>20.453.000.000</b>	<b>2.813.633</b>	<b>1.258.124.720.000</b>	<b>18.500</b>	<b>19.332.496.897</b>	<b>1.259.245.223.103</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 09 - CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**IV.05 Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

	Số còn phải nộp tại 01/01/2010  VND	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp tại 31/12/2010  VND
		Số phải nộp  VND	Số đã nộp  VND	
Thuế thu nhập cá nhân	19.453.999	8.706.735	-	28.160.734
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.453.999</b>	<b>8.706.735</b>	<b>-</b>	<b>28.160.734</b>

**IV.06 Nợ dài hạn**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	240.000.000	364.800.000
<i>Vay mua ô tô theo hợp đồng số G0894905</i>	<i>240.000.000</i>	<i>364.800.000</i>
<b>Phải trả nhà ủy thác đầu tư</b>	<b>1.259.312.548.038</b>	<b>51.532.862.983</b>
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</i>	<i>1.230.000.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán SME</i>	<i>28.000.000.000</i>	-
<i>Tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.312.548.038</i>	<i>51.532.862.983</i>
<b>Tổng nợ dài hạn</b>	<b>1.259.552.548.038</b>	<b>51.897.662.983</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SME**

Tầng 4, Tòa nhà 39A phố Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu 09 - CTQ

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**IV.07 Vốn chủ sở hữu**

**a. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	01/01/2010 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	31/12/2010 VND
<b>Nguồn vốn</b>				
Vốn kinh doanh	20.180.556.223	(1.469.310.115)	-	18.711.246.108
Lợi nhuận chưa phân phối	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Quỹ	(4.819.443.777)	(1.469.310.115)	-	(6.288.753.892)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.180.556.223</b>	<b>(1.469.310.115)</b>	<b>-</b>	<b>18.711.246.108</b>

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tư vấn Anh	200.000	2.000.000.000	8
Bà Cao Thị Vân Anh	750.000	7.500.000.000	30
Ông Phạm Minh Tuấn	250.000	2.500.000.000	10
Các cổ đông khác	1.300.000	13.000.000.000	52
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>100</b>

791  
G T  
M H  
QU  
NAY  
1 - T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu 09 - CTQ

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**V.01 Doanh thu hoạt động kinh doanh**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu từ phí quản lý	534.377.545	-
Doanh thu từ phí tư vấn	-	-
Doanh thu từ phí phát hành	-	-
Doanh thu khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>534.377.545</b>	<b>-</b>

**VI. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	Năm 2010 %	Năm 2009 %
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>		
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	0,06%	1,33%
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	1,42%	69,81%
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	(274,96%)	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	(7,85%)	(23,88%)
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	98,54%	72,01%
Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn	3926,86%	21732,07%
Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu	4,21%	4,74%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo


Mẫu 09 - CTQ

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**VII.1 Số liệu so sánh**

Số liệu báo cáo tài chính năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM). Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này.

Kế toán trưởng



Trương Công Thái

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011



Tổng Giám đốc



Bùi Văn Quang